

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Lan và bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2021/TB – XX ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Việt H, sinh năm 1999. Có mặt

Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1992. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 06 (tổ 23 cũ), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Việt H trình bày:

Chị H và anh Đặng Văn T đăng ký kết hôn ngày 07/04/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, anh T nhiều lần đánh chị.... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020, không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Đặng Văn T.

* Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Đức M, sinh ngày 11/11/2016. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/10/2020, Chị H có yêu cầu để cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, Chị H thay đổi ý kiến về việc nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cháu M, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho anh Đặng Văn T Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Đặng Văn T là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại tổ 06, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Tại phiên tòa, anh Đặng Văn T vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/04/2017 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Y là hôn nhân hợp pháp. Theo Chị H, sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, anh Thương nhiều lần đánh chị.... mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh T đến hòa giải, nhưng anh T không đến, thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của Chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về nuôi con*: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đặng Đức M, sinh ngày 11/11/2016, Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi con, hiện cháu M tuổi còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trực tiếp của người mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T đến hòa giải về việc nuôi con, nhưng anh T không đến, cũng không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến về việc nuôi con. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao cháu Đặng Đức M cho chị Nguyễn Việt H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng: Tại bản tự khai bổ sung ngày 12/11/2020 Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đồng/1 tháng, tại phiên tòa chị H thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.500.000đồng/1 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh T nộp văn bản xác nhận mức thu nhập, làm căn cứ phân định quyền nuôi con nhưng anh T không nộp. Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014 quy định: *“Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con...”*. Do đó, yêu cầu của Chị H về việc buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, mức cấp dưỡng chị H yêu cầu 1.500.000đồng/1 tháng là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83; 110; 116; 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Việt H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con: Giao cháu Đặng Đức M, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Nguyễn Việt H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đặng Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về án phí: Chị Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã

nộp theo biên lai số AA/2017/0006645 ngày 03.11.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y. Xác nhận Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng về việc nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Y;
- Chi cục THADS thành phố Y;
- UBND p. H, tp Y;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

